

LUẬT TỤC GẮN VỚI TÔN GIÁO - TÍN NGƯỠNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở QUẢNG NAM

BÙI QUANG THANH^(*)

Miền núi Quảng Nam là nơi cư trú lâu đời của bốn nhóm dân tộc thiểu số Catu, Xêđăng, Giẻ Triêng và Cor. Theo số liệu thống kê năm 2004, các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam sinh sống ở 70 xã, 381 thôn trên 700 điểm dân cư của 11 huyện và thị xã với dân số khoảng 99.637 người (chiếm khoảng 6,2% dân số toàn tỉnh), trong đó dân tộc Catu là 41.605 người, Cor là 5.110 người, Giẻ Triêng là 20.956 người và Xêđăng là 30.323 người⁽¹⁾. Giống như nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số khác sinh sống trên lãnh thổ nước ta, đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam hiện nay vẫn duy trì và sử dụng/vận dụng khá nhiều luật tục, phong tục truyền thống trong đời sống xã hội.

Các luật tục - phong tục của đồng bào dân tộc thiểu số ở Quảng Nam là những quy ước mang tính thực hành xã hội, và được coi là hình thức phát triển tích cực trong quá trình xây dựng thiết chế chung cho cộng đồng, bảo vệ cộng đồng trước mọi biến động của tự nhiên và xã hội. Đây cũng là đối tượng có tính phức tạp và hiện còn ít được các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu.

Luật tục gắn với tôn giáo, tín ngưỡng, nghi lễ của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam được ra đời và chịu ảnh

hưởng bởi thế giới quan và nhân sinh quan truyền thống. Ở khá nhiều trường hợp, các điều luật tục được hiểu nghĩa tương đương với những phong tục - tập quán của nhóm tộc người trên một địa bàn cư trú nhất định. Thông qua sự trói buộc của luật tục - tập tục với việc thực hành các lễ nghi, tôn giáo - tín ngưỡng, có thể nhận ra những quan niệm, quan điểm cùng trình độ nhận thức của đồng bào các dân tộc về sự sống và cái chết, thế giới siêu nhiên và xã hội con người, chu trình vòng đời người và ứng xử của con người với thực tại khách quan.

Trong xã hội truyền thống bộ lạc xưa kia, đồng bào các dân tộc gặp nhau ở cùng một niềm tin sâu sắc về sự tồn tại của thế giới thần linh và linh hồn. Theo thế giới quan của người Cor, con người bao gồm nhiều hồn vía và chịu sự chi phối bởi thế giới thiêng. Mỗi người đàn ông có 18 phol (vía) và 18 phơk (hồn), đàn bà có 19 phol và 18 phơk. Phol và phơk cũng mơ hồ, tương tự hồn, vía ở người Việt. Người Cor dùng danh từ ka mụych (ma) để chỉ siêu linh tàng ẩn ở cây đa cổ thụ (ka mụych dri), ở vườn quế (ka mụych quế)..., và đặc biệt gắn với con người sau khi đã chết. Đồng bào quan niệm người

^{*}. TS., Viện Văn hoá - Nghệ thuật Việt Nam.

1. Số liệu báo cáo của Ban Dân tộc Miền núi tỉnh Quảng Nam năm 2004.

chết bình thường (chết già, chết vì đau ốm) sẽ hoá thành ka muych ka dah (ma lành); còn chết bất đắc kì tử (vì cọp bắt, ngã cây, đâm chém, sét đánh, chết đuối, chết lúc mang thai hay đi đẻ...) thì biến thành ka muych xấu (ma dữ). Đặc biệt, nếu có người chết vì sinh nở, cả làng phải giết hết súc vật để cúng thần linh, ma của nó rồi chuyển làng đến chỗ khác.

Người Cor tin rằng hầu hết mọi vật đều có linh hồn; từ các bộ phận kết cấu ngôi nhà ở cho đến các hốc ngấm trên rẫy, v.v... đều có thần linh trú ngụ. Họ tưởng tượng trên các đỉnh núi cao là nơi trú ngụ của thần linh, khiến họ không dám phát chặt cây cối và đốt lửa quanh đó. Họ nhân cách hoá, thần thánh hoá những đỉnh núi để gọi là núi Ông, núi Bà; họ cho rằng có nước uống là nhờ kamuych ăm đak (ma cho nước); bếp lửa trong tum có mah pih (hồn đá) ngụ tại cái đầu rau; của cải sinh sôi nhờ koi ăm hang (ông cho của cải), các thần koi puk plây có liên quan tới việc sinh tồn của làng; koi puk (mang dáng dấp vị “thần nhà”, “ma nhà”) có sứ mệnh trông coi nhà cửa. Đồng bào rất quan tâm đến các dấu hiệu bất thường, đặc biệt họ sợ loại rắn tul, nếu thấy một con vào nhà là cả làng nghi ngờ nó báo hiệu điều xấu và có thể sẽ dời đi chỗ mới. Cũng như vậy, người Cor có tục thờ Thần lúa (mah koi ăm ba - ông bà cho lúa), coi đây là vị thần mang lại thóc lúa của cải cho gia đình, do đó họ thường xuyên tổ chức ra những nghi lễ để cúng thờ thần.

Giống như người Cor trước đây, người Catu cũng tổ chức nhiều lễ hội trong năm. Sau mùa trỉa lúa (khoảng tháng 2 tháng 3 theo nông lịch Catu), người Catu tổ chức lễ ùchăncatiéc để mừng mùa mới

và cầu mong thần linh phù hộ cho mùa màng được tươi tốt. Khi lúa, bắp trên rẫy mọc xanh, đồng bào tiếp tục làm lễ ùpaluch để cầu thần linh giữ chim, chuột không cho phá hoại mùa màng. Khi thu hoạch xong người Catu tổ chức lễ chaharoo tamê mừng được mùa, tạ ơn trời đất đã đem lại hạt thóc, hạt lúa. Để kết nghĩa hay giải quyết mối bất hoà với một làng nào đó, đồng bào có lễ Xơ và lễ Prongót, do hai làng cùng thực hiện. Nhưng lễ hội lớn nhất trong một năm là Tết, được tổ chức vào mùa xuân, gọi là chaplinh, khi mùa lúa đã thu hoạch xong và cất vào kho lúa. Lễ chaplinh tổ chức linh đình trong hai ngày hai đêm, sau đó đồng bào bắt đầu đi thăm viếng bà con, họ hàng.

Trong Vêel của người Catu có khu rừng cấm “rừng ma” hay còn gọi là khu rừng nghĩa địa, các thành viên trong làng khi chết đều được tập trung về đây chôn cất. Trong khu nghĩa địa, đồng bào sắp xếp các ngôi mộ tùy theo từng dòng họ (tô, cabu) nằm gần nhau tạo nên một cộng đồng thống nhất. Khu “rừng ma” là hình ảnh cộng đồng của những người quá cố. Đồng bào Catu quan niệm khi chết linh hồn vẫn không thoát khỏi cộng đồng. Nếu trong làng có người chết, dân làng sẽ nghỉ sản xuất trong 3 ngày. Trong thời gian ấy, ai đi làm sẽ bị làng xử phạt theo luật tục, tất cả cư dân trong làng, mỗi người một việc lo chôn cất người chết.

Người Catu trước đây quan niệm rằng, những người do con hổ, con rắn cắn, con gấu xé, cành cây, thân cây đè xuống hoặc leo trèo lấy quả bưởi, quả mít, tổ ong mật, con sóc, con chim trúng kẹp, dính bẫy của người khác, rồi bị rơi chết, tự ý sang vùng khác, vào nương rẫy của người khác mà

bị trúng chông, trúng thò, sập bẫy rồi chết, hoặc những kẻ có hành động loạn luân, hung ác, đâm chém người khác, v.v... sẽ không bao giờ được chôn trong khu vực nghĩa địa của làng (làng ma). Bởi tín ngưỡng dân gian người Catu cho rằng, người chết đi xác sẽ biến thành ma đi lang thang. Ma của những xác chết xấu thường đói khát, gian ác chuyên gieo rắc những tai ương, rủi ro, gây cảnh bệnh dịch, chết chó, thất bát mất mùa, v.v... cho dân làng. Trong lúc đưa ma loại này, người Catu không đánh chiêng, trống. Trẻ con, phụ nữ không được nhìn, được theo đám tang. Chỉ có người trai trong dòng họ mới khiêng quan tài. Trong lúc khiêng người chết đi, họ không được ngoái đầu về phía làng. Nếu ngoái nhìn, quỷ Abhuy mốp sẽ lai vãng quấy nhiễu dân biến khu núi, thung lũng đang ở trở thành chốn rừng thiêng nước độc. Dân làng không ai dám chỉ tay vào người chết. Nếu chỉ tay thì các ngón tay sẽ bị cong queo, nếu nói về người chết xấu thì mồm sẽ bị méo mó, v.v... Còn những người do ốm đau mà từ già cuộc sống, sẽ được chôn cất tử tế tại khu mồ mả của làng. Gia đình, họ hàng than khóc thương tiếc, cho mang theo (chôn) dụng cụ, tư trang, của cải vào mộ để họ “sử dụng ở làng ma”.

Trước đây, khi có người chết lạ, bất đắc kì tử hoặc chết do sinh khó, v.v... gọi chung là chết xấu (chêêt mốp) trong làng, người Catu thường dời làng đi nơi khác vì đồng bào tin làng của mình có ma ác do hồn người chết xấu hoá thành. Từ năm 1945 trở về trước, đồng bào gặp trường hợp này sẽ làm lễ cúng, sau khi đã xoa dịu thần linh bằng cách hiến tế máu các loại thú vẫn không có kết quả, người Catu hiến tế bằng máu người. Nạn nhân có thể là một người tình cờ đi vào nơi

phục kích nhưng cũng có khi là một kẻ thù của làng. Theo lời kể của một số người già, có khi để mừng khánh thành gươl mới (ngôi nhà chung của làng) người Catu xưa kia cũng lấy máu người để tế thần linh. Sau 1945, người Catu đã bỏ tục tế thần linh bằng máu người.

Người Catu tin tưởng có *ngải*. Theo họ, amér là một loại ngải rất hiếm, trong toàn huyện chỉ có một hai người có. Người con trai (hay con gái) nào muốn được con gái (hay con trai) yêu, hoặc muốn đi săn được nhiều thú, thì phải đi tìm kiếm (xin) củ amér về bỏ trong túi hay trong gùi, cất vào chỗ kín. Ngày ngày người đó sẽ nắm củ amér một lần và ra đi. Gặp ai dọc đường chào hỏi, chỉ được trả lời qua quýt rồi đi tiếp. Gặp người mình yêu, thì nói chuyện thật lâu, cười thật nhiều. Vài lần như vậy, ngải sẽ vận vào đối tượng, họ sẽ yêu anh (chị) mê mẩn suốt đời, không gì dứt ra được, yêu đến mù quáng dẫu người đó đã có vợ hay có chồng. Còn như muốn đặt bẫy hay đi săn thú, thì cũng nắm củ ngải và ra đi, tối đa ba lần trong ba ngày, chắc chắn sẽ được con thú lớn.

Người Catu có luật tục quy định hôn nhân gắn với lễ cưới và tang ma khá độc đáo. Trong trường hợp tổ chức đám cưới theo phong tục cướp vợ từ làng khác về, vấn đề không còn thuần túy là quan hệ giữa nhà trai và nhà gái, mà còn liên đới đến cả hai cộng đồng: về phía bên nam, phải có sự tham dự của trai làng để phục bắt cô gái về làm dâu; về phía bên nữ, cả làng có quyền yêu sách nhà trai, và nhà trai phải nộp làng gái một con trâu.

Khi một gia đình có người qua đời, dân làng dù đang giữa ngày mùa, cũng nghỉ việc ít nhất ba ngày; các hộ tùy tâm giúp đỡ tang gia dù chỉ là miếng thịt, hay con

gà, ít gạo, rượu, v.v... Buổi đưa tang, cả làng phải cùng nhau đưa tiễn người chết đến khi mồ yên mả đẹp mới được về. Chỉ có những thành viên của làng mới được chôn trên bãi mộ làng, ngay cả phụ nữ đã đi lấy chồng ở làng khác cũng không được tính là người cùng làng với cha mẹ để ra mình. Lễ bỏ mả, hay đôn mả (tênh pinh), tuy do các gia đình có người chết tiến hành, nhưng lại được cả làng tham gia, nên trở thành lễ thức tập thể của dân làng.

Với một số nghi lễ cúng bái khác của gia đình, người làng cũng được mời. Ví dụ vào tháng 12, nhân dịp mở kho lấy lúa mới về ăn và tìm đất rẫy cho năm sau, nếu có mổ lợn hiến tế, đàn ông trong làng được mời đến liên hoan; hay vào tháng 9, khi gia đình cúng cơm mới, dân làng cũng được mời dự, đàn ông ăn uống tại chỗ, còn đàn bà ở nhà nhưng khẩu phần được chia về. Toàn thể cộng đồng làng có những kì tổ chức nghi lễ chung, đặc biệt lễ cúng khi dựng cột giữa nhà gươl, khi nhà gươl vừa được dựng xong; lễ đâm trâu tập thể, thường thì mỗi năm một lần; lễ cúng cầu an khi có dịch bệnh nghiêm trọng, v.v... Trong các cuộc tế lễ ấy, lời khẩn cầu hướng tới thần linh, qua đó, dân làng mong những điều tốt lành cho cộng đồng mình lúa tốt, no ấm, đàn gà, heo nuôi sinh sôi, người khỏe mạnh, làng bình yên.

Khi đi săn được thú, nhóm thợ săn mang thú về gươl và cho người báo già làng. Già làng ra gươl đánh trống thông báo cho toàn thể cộng đồng biết kích cỡ con thú để tối hôm đó tập trung tại gươl nhận phần. Dân làng chỉ cần nghe tiếng trống là biết được con thú nặng bao nhiêu cân, loại gì. Cho đến nay, người Catu nói riêng và các dân tộc thiểu số ở miền núi Quảng Nam nói chung vẫn tổ chức lễ chia

và mừng chiến lợi phẩm. Khi chia thịt thú săn, mọi người đều được nhận khẩu phần bằng nhau; nếu là thú lớn, người có công hạ sát hay đánh bắt được giữ lại phần riêng, thường là hai đùi thịt; nếu là con thú nhỏ, chỉ đủ chia cho dân làng, anh ta cũng không được gì nhiều hơn xuất chia; nếu thú săn không đáng đem chia thì nó được nấu làm đồ nhắm để cho đàn ông uống rượu tại nhà gươl.

Trong đời sống chung ở làng, trước đây người Catu có nhiều dịp kiêng cử tập thể, nội bộ nhất mực tuân theo, còn người ngoài thì phải tôn trọng (“người ngoài” ở đây bao gồm cả phụ nữ đã làm dâu làng khác), khách không được vào làng khi đang cúng đâm trâu, khi có người chết bất đắc kì tử, hay vào ngày đầu dựng nhà *gươl*, ngày mở đầu vụ tria lúa, khi thu hoạch, ngày đi tìm đất để làm vụ rẫy mới, v.v... Nếu ai vô tình vào làng trong những ngày này, sẽ bị phạt nặng nhẹ tùy theo sự phán quyết của già làng. Đối với khách lạ, thường chủ yếu được nghe giải thích và nộp phạt mang tính tượng trưng, sau đó bị yêu cầu ra khỏi làng.

Đối với người Giẻ Triêng, những niềm tin về thế giới thần linh, linh hồn, ma quỷ có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống và đòi hỏi sự tuân thủ luật tục một cách rất chặt chẽ.

Người Ve (nhóm địa phương của Giẻ Triêng) tin rằng, mọi hoạt động trong đời sống hàng ngày của con người đều do các lực lượng siêu nhiên (yang) chi phối. Ý niệm về yang ở người Ve chưa rõ và chưa có hệ thống. Đồng bào chỉ mới có quan niệm có yang lành và yang dữ. Yang lành gồm có các yang của trời, của đất, của nước và của làng, là những yang phù hộ cho con người, làm cho mùa màng tốt tươi, dân làng khỏe mạnh.

Yang của trời được coi là yang lớn nhất, có uy quyền nhất trong mọi yang lành. Yang dữ gồm có các yang của sấm sét, của đá, của cây đa, v.v... là những yang gây ra bệnh tật, thiên tai, chết chóc. Theo quan niệm của đồng bào, các yang lành cũng có thể sinh ra giận dữ nếu dân làng xử sự sai và trong trường hợp này, yang lành cũng sẽ gây ra tai hoạ như những yang dữ; nếu muốn sống yên lành thì dân làng cũng phải làm lễ hiến sinh, cầu xin sự hoà giải.

Đồng bào tin rằng, yang có ảnh hưởng đến đời sống con người, đến việc làm nương rẫy, nhà cửa. Vì vậy, mỗi khi muốn làm rẫy mới, nhà mới, dựng làng mới, đồng bào phải bói toán, xin quẻ, hỏi ý yang. Một cách bói toán chọn đất là chặt một đoạn tre, chẻ toẻ ra một đầu thành nhiều sợi, rồi cứ bẻ một sợi trừ hai sợi cho đến khi không còn sợi nào hay chỉ còn một sợi là tốt, nếu còn hai sợi là xấu. Một cách bói toán chọn đất khác là báo mộng, nếu mộng thấy nhiều cát, nhiều nước là tốt; nếu thấy người chết, rắn và thú dữ là xấu.

Về con người, đồng bào Ve tin rằng, bên cạnh phần xác, còn có phần hồn mà đồng bào diễn đạt bằng khái niệm mhol. Mhol quyết định sự sống của con người. Mỗi người có nhiều mhol, mhol chính ở trên đầu, các mhol khác ở trong các bộ phận của cơ thể. Khi mhol chính rời cơ thể, người sẽ chết.

Người Ve quan niệm có cái chết lành (chit kmôl), và cái chết dữ (chit prăng). Chết lành là chết già, chết vì ốm đau thường. Hồn người chết sẽ về thế giới bên kia, cái thế giới mà người Ve ở đây quan niệm chính là cái nghĩa địa (klô) của làng và nó được quan niệm như ở làng người sống. Chết dữ (xấu) là chết vì tai nạn như

chết đuối, chết cháy, chết bị cọp bắt, đá đè, tự tử, v.v... Xác những người chết dữ không được mang vào làng, mà phải chôn tại chỗ. Đồng bào tin hồn (mhol) của những người chết xấu biến thành loại yang dữ, yang kmuik plu, chuyên làm hại, nguyên nhân của nhiều tai hoạ cho con người.

Do trình độ phát triển văn hóa - xã hội nói chung còn thấp, mặt khác còn do phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, nên trong lĩnh vực sản xuất đồng bào Ve còn nhiều mê tín, kiêng kỵ. Đồng bào không đi chọn đất làm nương rẫy vào ngày xấu, ngày có người chết xấu. Trên đường đi tìm rẫy, gặp rắn họ trở về. Mỗi thời kì gieo trồng hay sinh trưởng của cây lúa đều kéo theo những nghi lễ nông nghiệp phức tạp, tốn kém.

Theo quan niệm của đồng bào, được mùa hay mất mùa là do hồn lúa (mhol ba) quyết định. Hồn lúa hiện thân trong bà chủ lúa (kla ba), còn gọi là “mẹ lúa”. Mẹ lúa thường là người đàn bà chủ nhà, chủ trì việc gieo hạt cũng như việc gặt lúa, việc quản lí và phân phối lúa trong gia đình, và chịu trách nhiệm cúng hồn lúa.

Người Ve có quan niệm rằng, ngay sau khi con người chết đi, sẽ lập tức xuất hiện một hồn mới là mhol plo (theo tiếng Ve nghĩa là hồn bếp). Sau khi người chết được chôn cất, mhol plo về nhà tang gia trú ngụ tại bếp mà khi sống người chết ấy đã sử dụng (một nhà người Ve có rất nhiều bếp) và sẽ bảo vệ, phù hộ cho các thân nhân trong gia đình (người Ve tin rằng, mhol plo và thần lúa là các thế lực bảo vệ và phù hộ cho gia đình). Mhol plo sẽ ở lại với tang gia đúng một năm, sau đó hồn hoá thành con ruồi không có ruột bay về sống ở thế giới tổ tiên bên Lào và

không quay trở lại trần gian nữa. Sau khi chôn cất xong, trong vòng một năm, ngày nào cũng vậy, trước khi tang gia ăn cơm, ông chủ nhà bao giờ cũng phải lấy ít cơm, thịt ném vào góc bếp mà khi sống người chết vẫn sử dụng, ngụ ý mời mhol plo cùng ăn. Người Ve tin rằng, nếu không như vậy nó sẽ làm cho gia đình mất mùa, ốm đau.

Qua những biểu hiện tín ngưỡng trên của người Ve, có thể nhận xét rằng, tất cả mọi vật đang tồn tại, kể cả các dạng mà đồng bào tin đang tồn tại một cách vô hình như thần, ma, tổ tiên, v.v... cũng có hồn và có hồn trẻ, hồn già, hồn yếu, hồn mạnh, hồn nam, hồn nữ như chính bản thân cơ thể sống vậy. Tuy nhiên, phần lớn các hồn này mạnh hơn hồn của con người còn sống, nếu con người làm điều gì sai trái, các hồn kia có thể trừng phạt con người, thậm chí đánh chết hoặc ăn hồn của người sống.

Đây có lẽ chính là một phần nguyên nhân dẫn đến những luật tục khắc nghiệt trong đời sống xã hội của người Ve trước kia- luật trả nợ máu.

Trước 1945, vùng các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam thường xuyên xảy ra xung đột. Khi hai làng có chiến tranh với nhau, nếu giết được người của làng kẻ thù, người ta tin rằng, hồn và hồn ma của những người này (không giống với người chết lành, người chết xấu) biến thành một vị thần của làng, có vai trò bảo vệ không cho làng khác đến đánh phá hoặc giết hại dân làng để trả thù.

Trước kia, khi ăn mừng chiến thắng, các chiến binh người Ve nếu giết được kẻ thù trên đất của làng quản lí, sẽ về làng đâm trâu ăn mừng chiến thắng. Nếu không chặt được đầu kẻ thù, họ lấy vũ

khí, quần áo của người bị giết đem về treo cùng đầu trâu hiến tế. Người Ve giải thích, đầu trâu làm lễ phải quay ra ngoài để nhìn thấy kẻ thù đang đến mà ngăn chặn. Người ta kiêng làm đầu trâu rơi xuống đất vì nếu trường hợp đó xảy ra thì giang tróc hơ bang (vị thần bảo hộ) sẽ bỏ đi không phù hộ cho làng của họ.

Trong quan niệm của người Ve, không phải bất cứ ai chết đi hồn mhol plo cũng đều được sống ở thế giới tổ tiên, điều bình thường này chỉ xảy ra với những người chết lành tức chết do già yếu, bệnh tật và phải chết trong nhà mình. Những người chết xấu, theo cách nhìn nhận của người Ve là do bị thần linh trừng phạt hay ma quỷ làm hại, như chết do sét đánh; chết đuối hay nước cuốn; chết do đất lở, ngã cây, đất lún; chết khi sinh, chết do đánh nhau, v.v...

Để tránh những hậu họa tiếp theo do cái chết xấu gây ra, luật tục Ve có các quy định chôn cất riêng cho những người này. Nếu người nào chết ở ngoài làng, người ta không được phép mang xác vào trong làng; nếu thành viên nào đó bị thương ở xa rồi về nhà mới chết, hoặc chết trong khi sinh đẻ phải đem ra ngoài nhà ngay lập tức và để xác ở chái nhà phía tây; cấm không được chôn cất chung nghĩa địa với người chết bình thường, mà phải chôn cất một nghĩa địa riêng dành cho họ hoặc chôn ở ngay nơi họ chết; không bắt buộc phải có quan tài và chôn càng nhanh càng tốt. Trong trường hợp xung đột giữa hai làng, phía nào “hạ” được người phía bên kia được coi là may mắn vì hồn người xấu số trở thành thần của họ, ngược lại, làng có người bị giết coi đây là chết xấu và nguy hiểm cho dân làng. Với người chết xấu, sau khi chôn người chết xong,

gia đình phải bỏ lại toàn bộ nhà cửa và tài sản đi ra rừng ở từ 6 tháng đến 1 năm, tùy theo từng cái chết (chẳng hạn, bị thương về nhà mới chết, để được 4 hoặc 5 ngày cả hai mẹ con đều chết thì bỏ 6 tháng; nhưng đang đẻ con mà bị chết hoặc chết ở ngoài nhà thì phải bỏ 1 năm). Người Ve tin rằng, nếu vẫn sống trong làng và tiếp tục dùng các đồ cũ của người chết, thì gia đình và dân làng sẽ có thêm nhiều người chết xấu và bị mất mùa. Trước khi đi chôn người chết, họ phải đập chết hết các con vật nuôi trong nhà và phải chôn thật kĩ không để cho bất kì ai và con vật nuôi của các gia đình khác trong làng ăn. Nếu đẻ người trong làng ăn phải những con vật này thì chủ nhà phải đền gấp 3 lần số con vật như thế.

Trong suốt thời gian đi chôn người chết ngoài rừng, các thành viên trực tiếp kiêng quan tài đi chôn phải thực hiện kiêng kị mười ngày, kéo nhau vào rừng ở, tránh gặp người làng và tiếp xúc với những người gặp trên đường đi. Nếu họ cố tình vào làng khác hoặc tiếp xúc với người trên đường mà bị phát hiện đang trong thời gian cũ, thì có thể sẽ bị giết chết, vì người Ve tin rằng, nếu vi phạm điều cấm kị này, gia đình có người chết sẽ mang sự chết chóc, đói nghèo đến cho dân làng và gia đình khác.

Trong trường hợp cần sự giúp đỡ, các thành viên đi chôn người chết có thể về gần làng và kêu báo cho dân làng biết để giúp đỡ như lương thực, thực phẩm, quần áo, v.v... Và họ quy ước cho người trong làng mang đặt những thứ này ở một nơi trung gian nào đó trong rừng. Hết thời hạn kiêng cử, những người này có thể đem các đồ dùng về làng, kể cả lương thực còn lại, nhưng không được dùng để

làm giống. Sau khi về làng, với sự giúp đỡ của dân làng, gia đình người quá cố sẽ làm lại nhà mới, kể từ đó họ mới được tiếp xúc trực tiếp với mọi người.

Với người Ve, sau khi đẻ, nếu người mẹ hay đứa trẻ bị ốm, gia đình phải mời thầy cúng đến làm lễ. Trước tiên thầy phải bói tìm ra nguyên nhân gây ra ốm đau, thường là do thần cây đa hay thần đá làm. Nếu do thần cây đa phải có chó trắng, nếu là thần đá phải có gà trắng để làm đồ hiến tế. Thầy cúng cùng người bố của đứa trẻ mang con vật hiến sinh đến gốc cây to hoặc hòn đá to nhất trong rẫy của mình, cắt tiết con vật, lấy máu vấy vào đó, đồng thời cầu xin thần linh phù hộ cho vợ con mình khỏi bệnh.

Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ khi đẻ, gia đình còn tiến hành nhiều kiêng cử và nghi lễ cầu cúng tốn kém, phức tạp khác, nhằm cầu mong cho điều xấu không xảy ra với người mẹ và đứa trẻ, đứa bé lớn lên khoẻ mạnh giàu sang. Sau 15 ngày kể trên, sản phụ bắt đầu làm các công việc bình thường ở nhà, thậm chí họ phải đi con lên rẫy, lên rừng để kiếm rau quả và lao động sản xuất khi vụ mùa cần kíp, hoặc trong thời kì đói kém.

Với người Triêng, chuyện sinh đẻ cũng gắn với không ít phong tục, tín ngưỡng phức tạp. Nhà có người đẻ được báo hiệu bằng một cành lá treo ở cửa trước để không cho người lạ vào. Ai không biết, vi phạm điều này sẽ bị già làng và gia chủ bắt phạt, nộp rượu thịt để làm lễ cúng vía. Trong thời gian vợ ở cũ, người chồng không được bắn ná lên trời, vì sợ làm như vậy đứa con sẽ hay khóc. Hằng ngày người chồng phải đi gửi nước về để cho người vợ giặt giũ. Sau mỗi bữa ăn, người vợ cắm những cái lá gói cơm vào một cái

xiên (siar) để cạnh bếp. Sau một tháng, gia đình giết gà làm lễ cúng, lấy xiên lá dó ra để đốt và coi như hết cử; đồng thời, đứa trẻ được đặt tên (plê chak) do bố mẹ hoặc ông bà đặt cho. Tên con không cần vắn với tên bố hoặc mẹ. Ở người Triêng, khi chưa có con, người ta gọi theo tên thường, nhưng khi đã có con rồi thì gọi theo tên con đi kèm theo tiếng pap (nghĩa là “bố”) hoặc tiếng nin (nghĩa là “mẹ”). Thường thì người ta chỉ gọi theo tên con cả, không kể đó là con trai hay con gái. Tập tục này có nét tương đồng với người Kinh.

Hầu hết người dân của các dân tộc miền núi Quảng Nam đều không thích đẻ sinh đôi. Điều đó xuất phát từ đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, sinh đôi sẽ gây khó khăn trong việc nuôi dưỡng và lao động sản xuất của người mẹ. Do đó, họ kiêng không mặc chung quần áo hoặc bước qua chân của đôi vợ chồng đã sinh đôi, với hi vọng mình sẽ không sinh đôi như họ.

Như nhiều dân tộc khác trong vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, trước đây nam nữ một số tộc người đến tuổi trưởng thành đều phải trải qua tục xâu tai và cà răng. Tục cà răng/cưa răng (kít năng) là tục quan trọng trong đời người - đây chính là lễ thành đinh nguyên thủy để chuyển từ giai đoạn trẻ con thành người đã lớn. Nam nữ từ 13 tuổi trở lên, sau khi đã xâu tai mới được cà răng. Ba năm làng tổ chức một lần vào tháng Hai âm lịch. Mỗi nhà có người bị cà răng đem ra nhà chung của làng một con trâu làm lễ liên hoan và đãi khách.

Cà răng/cưa răng là một tập tục có liên quan đến niềm tin tôn giáo của người dân, tuy nhiên nó thực sự ảnh hưởng có hại một cách trực tiếp đến sức khỏe của

con người. Thực tế đã có rất nhiều người bị ngắt khi đang cà răng vì mất nhiều máu, đau đớn vì sợ hãi. Sau khi cà, có nhiều trường hợp đã để lại di chứng thuộc về răng và miệng như: thối lợi, long răng, vẹo mồm, thậm chí có người chết vì bị nhiễm trùng nặng. Điều này càng có hại cho sức khỏe khi người bị cà răng đang ở tuổi lớn, tuổi phát triển về thể lực.

Cũng như các nhóm tộc người bản địa khác, nam nữ thanh niên Triêng đến tuổi trưởng thành đều phải làm lễ cà răng (kít pưng). Ở người Triêng, lễ cà răng thường được tiến hành vào thời gian khi đã thu hoạch mùa màng xong xuôi (khoảng tháng Một hoặc tháng Hai dương lịch). Mỗi gia đình có người cà răng trong đợt đó đều phải nộp cho làng một con lợn to, nếu là nhà giàu thì nộp trâu. Một trong những ngày trước hôm làm lễ cà răng, nam nữ thanh niên theo sự hướng dẫn của người cao tuổi vào rừng kiếm cỏ và lá cây để đắp lên răng sau khi cà. Mọi người phải mang trang phục theo truyền thống của dân tộc, nam búi tóc, thả xuống dưới gáy, choàng một tấm vải (ptut) từ vai bên nọ xuống đến thắt lưng bên kia, mặc khố, tay cầm gươm hoặc đao, khiên, nữ búi tóc, nhưng búi ở trên đầu, cài tóc bằng nanh heo rừng và lông đuôi chim. Ở cổ và tay đeo cườm và vòng.

Ngày tiếp theo, cả nam và nữ cũng lại ăn mặc như vậy, vào rừng lấy tre để đan mũ cho những thanh niên nam nữ thụ lễ. Trên mũ có những nùm bông, tăng thêm vẻ khỏe đẹp cho người đội.

Ngày thứ ba, họ kéo nhau ra sân làng hoặc ra bãi cỏ rìa làng để tiến hành cà răng. Mỗi người cà răng đều có hai người, một nam một nữ giúp đỡ. Cà xong họ lấy vỏ và lá cây đã kiếm được trong những

ngày trước và đã già nhỏ, đặt vào bẹ chuối, đắp vào hai lợi để giảm đau, hãm máu và giữ răng khỏi bị rụng. Sau đó những người mới cưa răng được đưa vào nằm ở nhà làng, trong khi đó ngoài sân mọi người tiến hành lễ đâm trâu, giết gà heo để cúng thần (giàng), đồng thời cữ khách không vào làng. Cúng giàng xong, cả làng ăn uống chung. Những người cưa răng được nằm lại tại nhà làng, được các gia đình cử người tới phục vụ, cho ăn uống. Thường thường khoảng sau một tuần, họ trở về nhà mình. Tục cưa răng ở người Triêng, cũng như các dân tộc khác ở Trường Sơn - Tây Nguyên, có ý nghĩa một lễ thành đinh. Chưa qua ngày lễ này, thanh niên nam nữ chưa có quyền đi đến hôn nhân, bị phân biệt đối xử trong sinh hoạt hằng ngày.

Người Bh'noong ngoài những luật tục gắn với nghi lễ tương tự như các nhóm địa phương khác của dân tộc Giẻ Triêng còn có quy định rất độc đáo - *tục bắt chồng*. Ở huyện Phước Sơn, người Bh'noong sống rải rác tại địa bàn các xã vùng cao, như Phước Thành, Phước Chánh; tại vùng giữa: Phước Kim, Phước Đức, Phước Mỹ; còn ở vùng thấp: Phước Hiệp, Phước Trà. Người Giẻ Triêng nói chung và người Bh'noong ở huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam nói riêng đều có lễ ăn mừng chiến thắng (pơ truh) và cả lễ ăn mừng được mùa (ia pôm). Trong các lễ này, người Bh'noong có quyền thực hiện nghi lễ bắt chồng được toàn thể xã hội tộc người chấp thuận.

Tục này được thực hiện qua lựa chọn của người con gái và sự quyết định của Hội đồng già làng. Chẳng hạn, nếu một người con gái rụt rè, nhút nhát, không

biết dệt vải, lao động kém thì được Hội đồng già làng ấn định với một chàng trai khoẻ mạnh, chăm làm. Còn với cô gái siêng năng, đẹp nết, đẹp người Hội đồng già làng chọn lựa cho chàng thanh niên lao động kém và ít siêng năng hơn. Thông qua lễ ăn mừng chiến thắng, có từ 2 đến 3 cô gái theo quy định luật tục bắt chồng có quyền thực hiện làm vợ theo sự sắp xếp nói trên. Tục bắt chồng được tiến hành bí mật, chỉ có Hội đồng già làng, cha, mẹ và cô gái đó biết. Vào ngày thứ hai của lễ ăn mừng chiến thắng, già làng tiến hành lễ bắt chồng cho các cô gái và từ đây, đôi trai gái thành vợ, thành chồng.

Theo luật tục của người Bh'noong, nếu chàng trai bị bắt làm chồng bỏ trốn hoặc vì một lí do nào đó mà không ưng người vợ tương lai của mình thì bị phạt rất nặng, thường mức phạt từ 2 -3 con trâu, kèm theo gà, lợn và đồ trang sức giá trị. Tuy hôn nhân kiểu như vậy không phổ biến bằng các nghi lễ hôn nhân khác, song hầu như không thấy trường hợp vợ chồng Bh'noong bỏ nhau.

Cùng với việc tìm hiểu các khía cạnh khác của văn hóa các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam, thông qua những biểu hiện thực hành phong tục, tập quán và nghi lễ, trong đó có gắn với không ít những điều luật tục, chúng ta có thể nhận diện được bộ mặt sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng truyền thống của 4 tộc người tiêu biểu ở các huyện miền núi. Cũng từ di sản quá khứ đó, có thể nhận biết để tiếp tục khai thác những tín ngưỡng - phong tục tích cực, loại bỏ dần những biểu hiện không phù hợp, giúp ích cho công việc xây dựng đời sống văn hóa đương đại của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam./.